

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 05/2017/KDTM-ST

Ngày 26/12/2017

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú

Ông Hoàng Văn Bình

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Giang- thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thùy Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2017/TLST-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐST- KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-KDTM ngày 08/12/2017 giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh, chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đức T, chức vụ Giám đốc chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp L theo Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng P.

Người được ủy quyền lại: Bà Trịnh Thị H, chức vụ Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện L theo giấy ủy quyền lại lập ngày 04/5/2017.

Trụ sở: Phố C, thị trấn T, Huyện L, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1983, chủ Doanh nghiệp tư nhân KH. Địa chỉ: Số nhà 32, đường V, phường Đ, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Ninh Quang H1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số nhà 32, đường V, phường Đ, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa : Có mặt đại diện Ngân hàng. Vắng mặt bà N, ông H1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện của Ngân hàng P trình bày:

Ngày 07/3/2013 bà Lê Thị N chủ doanh nghiệp tư nhân KH đã ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng P, chi nhánh L mục đích vay để sản xuất trang phục quần áo. Cụ thể bà Lê Thị N đã ký Hợp đồng tín dụng số 301/HĐTD (3308-LAV201200038); Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 12/4/2013; Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 19/9/2013; Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 22/10/2013; Phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐ ngày 12/2/2014. Số tiền vay là 9.500.000.000đồng, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời gian cho vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mức lãi suất được điều chỉnh qua các thời kỳ. Quá trình vay vốn, doanh nghiệp tư nhân KH vay vốn lưu động để sản xuất trang phục quần áo theo hạn mức tín dụng được xác định trong hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo đúng cam kết. Tuy nhiên đến hạn trả nợ nhưng Doanh nghiệp tư nhân KH không trả được nên toàn bộ số dư nợ gốc và lãi của Doanh nghiệp bị chuyển sang nợ quá hạn. Cụ thể tại các giấy nhận nợ của bà Lê Thị N như sau: Giấy nhận nợ ngày 02/10/2013 số tiền 1.050.000.000đồng (hạn trả nợ cuối cùng là ngày 02/8/2014), đã trả gốc 311.000.000đồng, còn nợ gốc 739.000.000đồng. Giấy nhận nợ ngày 18/10/2013 số tiền 1.239.000.000đồng (hạn trả nợ cuối cùng 18/8/2014), đã trả gốc 8.000.000đồng, số tiền gốc còn nợ là 1.231.000.000đồng. Giấy nhận nợ ngày 20/01/2014 số tiền 440.000.000đồng (hạn trả nợ cuối cùng 20/11/2014), mới trả một phần lãi còn nợ gốc 440.000.000đồng. Tổng cộng số tiền gốc còn nợ là 2.410.000.000đồng và tiền lãi phát sinh chưa trả. Ngân hàng đã ra các Thông báo nợ đến hạn, giấy báo nợ quá hạn gửi cho bà N, bà N đã ký nhận. Ngân hàng đã tiến hành làm việc với bà N để đôn đốc trả nợ nhưng bà N vẫn chây ỳ trốn tránh việc trả nợ.

Các tài sản đảm bảo cho khoản vay nợ : Ông Ninh Quang H1 và bà Lê Thị N đã ký các Hợp đồng bảo lãnh thế chấp cụ thể sau: Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (thế chấp tài sản của bên thứ ba gắn liền với quyền sử dụng đất số 02A ký ngày 16/01/2012, kèm theo 01 Phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba ngày 07/3/2013: tài sản dùng để thế chấp bảo lãnh là quyền sử dụng đất diện tích

1009,6m² (đất ở 312,5m², đất vườn 101,5m², đất ao 595,6m²) tại phố Phúc Chính 2, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 17 phường Nam Thành, giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 679588 do Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình cấp ngày 09/9/2010 với tổng giá trị 3.341.300.000đồng bảo đảm cho số tiền gốc vay là 2.313.000.000đồng; Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (thế chấp tài sản của bên thứ ba gắn liền với quyền sử dụng đất) số 02B ký ngày 16/01/2012 ,kèm theo 01 Phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba ngày 07/3/2013 : tài sản dùng để thế chấp bảo lãnh là quyền sử dụng đất diện tích 64m² (đất xây dựng nhà ở) tại phố Phúc Chính 2, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình thể hiện tại thửa số 1B, tờ bản đồ số 18 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 679075 do Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình cấp ngày 09/9/2010. Với tổng giá trị là 256.000.000đồng bảo đảm cho số tiền vay gốc là 100.000.000đồng. Cả hai thửa đất trên đều là tài sản của bà Lê Thị N và ông Ninh Quang H1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị N và Ninh Quang H1

Ngày 04/5/2017, Ngân hàng P đã có đơn khởi kiện đề nghị buộc bà Lê Thị N - chủ Doanh nghiệp tư nhân KH phải trả cho Ngân hàng P số tiền còn nợ gốc là 2.410.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 698.584.639đồng, lãi quá hạn là 346.163.278đồng. Tổng cộng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/5/2017 là 3.454.747.917đồng.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng trình bày: Thực hiện Văn bản số 6626/NHNo-TD ngày 15/8/2017 của Ngân hàng P về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, Công văn số 531/NHNo- KHNv ngày 24/8/2017 của Ngân hàng P chi nhánh tỉnh Ninh Bình về điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với các khoản nợ đã xử lý rủi ro (XLR), nợ đã bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) trong hệ thống Ngân hàng Agribank nên đến nay việc tính lãi suất cho Doanh nghiệp tư nhân KH được điều chỉnh là 6%/năm. Do vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26/12/2017 của Doanh nghiệp tư nhân KH là 2.958.534.333 đồng (trong đó gốc là 2.410.000.000đồng, lãi là 548.534.333đồng). Ngân hàng đã có văn bản giải trình nộp cho Tòa án về nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch số tiền lãi khi khởi kiện và số tiền lãi tính đến thời điểm hiện nay. Do vậy, Ngân hàng buộc bà Lê Thị N phải có trách nhiệm trả số nợ tính đến ngày 26/12/2017 như đã nói ở trên và số tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong. Trường hợp bà N không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan pháp luật xử lý các tài sản đã thế chấp theo hợp đồng bảo lãnh thế chấp và Phụ lục hợp đồng bảo lãnh thế chấp đã ký.

Bị đơn là bà Lê Thị N, chủ Doanh nghiệp tư nhân KH và ông Ninh Quang H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khi ký kết các Hợp đồng nêu trên có cùng địa chỉ số nhà 32, phố 4, đường V, phường Đ, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đến nay vắng mặt tại địa phương không cung cấp địa chỉ cho người khởi kiện được biết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết các văn bản tố tụng, công khai các tài liệu chứng cứ đã thu thập. Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 12/9/2017. Bà N, ông H1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa để mở lại phiên tòa vào ngày 29/9/2017. Tại phiên tòa ngày 29/9/2017 bà N, ông H1 vẫn vắng mặt; Đại diện Ngân hàng cung cấp sự việc: Tại mảnh đất mà vợ chồng ông Ninh Quang H1, bà Lê Thị N đã thế chấp bảo lãnh, ông H1, bà N đã xây dựng thêm một số công trình trên đất. Nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản bảo lãnh thế chấp. Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ, Tòa án đã niêm yết công khai kết quả xem xét thẩm định và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Ngày 08/12/2017, Tòa án mở phiên tòa, bà N, ông H1 vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vào ngày 26/12/2017 nhưng đến nay, bà N, ông H1 vẫn không đến phiên tòa, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: đại diện Ngân hàng nghiêm chỉnh chấp hành còn bị đơn là bà Lê Thị N, chủ Doanh nghiệp tư nhân KH và ông Ninh Quang H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành pháp luật. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 292, 342, 343, 344, 351, 355, 361, 362, 363, 366, 369, 471, 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật dân sự 2005. Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P. Buộc bà Lê Thị N, chủ Doanh nghiệp tư nhân KH phải trả cho Ngân hàng P số tiền gốc là 2.410.000.000đồng, số tiền lãi tính đến ngày 26/12/2017 là 548.534.333đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 2.958.534.333đồng. Bà N còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/12/2017 cho đến khi thi hành xong.

Sau khi bà Lê Thị N thi hành xong số tiền phải trả cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị N và ông Ninh Quang H1 toàn bộ giấy tờ gốc liên quan đến tài sản đã bảo lãnh thế chấp.

Trường hợp bà Lê Thị N không thi hành trả nợ thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu xử lý các tài sản đã bảo lãnh thế chấp.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng đã tự chi phí và không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về chi phí giám định: Buộc bà Lê Thị N phải hoàn trả lại số tiền 4.790.000đồng mà Ngân hàng P đã chi phí giám định theo Thông báo và Phiếu thu tiền chi phí giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng P không phải nộp, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Lê Thị N phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 91.170.686đồng (*Chín mươi một triệu một trăm bảy mươi nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Doanh nghiệp tư nhân KH được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Doanh nghiệp tư nhân ngày 09/01/2011, chủ Doanh nghiệp tư nhân là bà Lê Thị N. Ngày 07/3/2013, bà Lê Thị N đã ký kết Hợp đồng tín dụng vay vốn với Ngân hàng P, chi nhánh Hoa Lư cụ thể Hợp đồng tín dụng số 301/HĐTD (3308-LAV201200038; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 12/4/2013; Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 19/9/2013 ; Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 22/10/2013; Phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐ ngày 12/2/2014 mục đích vay để sản xuất trang phục quần áo. Số tiền vay là 9.500.000.000đồng. Đến nay, số tiền bà Lê Thị N - chủ Doanh nghiệp tư nhân KH còn nợ Ngân hàng P tổng cộng số nợ gốc là 2.410.000.000đồng và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng thể hiện tại các giấy nhận nợ, tờ khai Phụ lục hợp đồng mà bà Lê Thị N đã ký kèm theo bảng kê theo dõi thu nợ của cán bộ tín dụng cụ thể:

- Ngày 02/10/2013 số tiền nhận nợ là 1.050.000.000đồng, quá trình đã trả gốc 311.000.000đồng, lãi đã trả từ ngày 02/10/2013 đến ngày 28/5/2014 tổng số tiền là 76.697.167đồng, còn lại nợ tiền gốc là 739.000.000đồng;

- Ngày 18/10/2013 số tiền nhận nợ 1.239.000.000đồng, quá trình đã trả gốc 8.000.000đồng, lãi đã trả từ ngày 18/10/2013 đến ngày 05/3/2014 là 52.623.084đồng, tiền gốc còn nợ là 1.231.000.000đồng;

- Ngày 20/1/2014 nhận nợ số tiền 440.000.000đồng, lãi đã trả từ ngày 20/01/2014 đến ngày 05/3/2014 là 6.050.000đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 440.000.000đồng.

Bà Lê Thị N, ông Ninh Quang H1 đã làm các thủ tục đăng ký bảo lãnh thế chấp tài sản, ký Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (thế chấp tài sản của bên thứ ba gắn liền với quyền sử dụng đất) số 02A và 02B (đều cùng ngày 16/01/2012) và ký 02 Phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba gắn liền với quyền sử dụng đất (đều ký cùng ngày 07/3/2013). Các tài sản bảo đảm cho số tiền vay nợ cụ thể : quyền sử dụng đất diện tích 1009,6m² tại thửa số 11, tờ bản đồ số 17 và quyền sử dụng đất 64m² tại thửa số 1B, tờ bản đồ số 18 đều tại phố Phúc Chính 2, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Ninh Quang H1 và bà Lê Thị N. Các Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản và Phụ lục hợp đồng nói trên đã được công chứng, chứng thực và cơ quan đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận việc đăng ký thế chấp tài sản. Như vậy có cơ sở khẳng định việc bảo lãnh, thế chấp tài sản của bà Lê Thị N và ông Ninh Quang H1 là thực tế và là giao dịch hợp pháp.

Tại Kết luận giám định số 37/KLGD-PC54- TL ngày 02/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị N trên các tài liệu cần giám định gồm Hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ, Thông báo nợ quá hạn ký hiệu từ A1 đến A5 so với chữ viết, chữ ký của Lê Thị N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 (gồm 02 Hợp đồng bảo lãnh thế chấp, 02 Phụ lục hợp đồng bảo lãnh thế chấp nói trên và các tài liệu chữ viết chữ ký của bà N mà Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình đã thu thập tại hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình số 206/2014/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2014 khi bà N, ông H1 giải quyết ly hôn tại Tòa án) đều do cùng một người ký, viết ra.

Như vậy, việc bà Lê Thị N, chủ Doanh nghiệp tư nhân KH vay vốn Ngân hàng P, chi nhánh Hoa Lư, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và đến nay còn nợ Ngân hàng P số tiền gốc là 2.410.000.000đồng là có căn cứ. Số tiền lãi tính đến ngày 26/12/2017 là 548.534.333đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 2.958.534.333đồng. Việc tính toán số tiền lãi, điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng P thực hiện theo đúng quy định của Ngân hàng nên căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005, khoản

2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 cần buộc bà Lê Thị N phải có trách nhiệm trả số nợ nói trên cho Ngân hàng P và tiếp tục trả lãi cho đến khi thi hành xong.

Tại biên bản xem xét thẩm định hiện trạng hai tài sản thế chấp mà bà Lê Thị N và ông Ninh Quang đã bảo lãnh, thế chấp thể hiện: Hai tài sản thế chấp thuộc phố Phúc Chính 2, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình có vị trí sát liền nhau, trên thửa đất diện tích 1009,6m² bà Lê Thị N, ông Ninh Quang H1 đã xây dựng thêm các công trình trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 lợp ngói đỏ, đòn tay luồng, xây gạch bi cửa gỗ tạp diện tích 40,8m², 01 nhà cấp bốn lợp proximang 01 mái đòn tay luồng xây gạch bi có diện tích 26,8m², 04 cột xây gạch bi kích thước 20cmx20cm, cao 1,6m; 01 giếng đường kính 0,8m. Xung quanh thửa đất xây tường gạch bi cao 1,75m, rộng 20cm.

Bà Lê Thị N, ông Ninh Quang H1 đã bảo đảm cho khoản vay nợ của bà Lê Thị N bằng các quyền sử dụng đất, căn cứ Điều 342 Bộ luật dân sự thì các tài sản công trình trên đất nói trên của bà Lê Thị N và ông Ninh Quang H1 cũng thuộc tài sản thế chấp để xử lý khi thu hồi nợ.

Do vậy, trường hợp bà N không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý phát mại đối với các tài sản đã thế chấp căn cứ vào các Điều 292, 342, 343, 344, 351, 355, 361, 362, 363, 369, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật dân sự 2005.

[2].Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ : Ngân hàng đã tự chi phí và không đề nghị Tòa án xem xét.

[3].Về chi phí giám định: Số tiền chi phí giám định chữ viết và chữ ký của bà Lê Thị N là 4.790.000đồng theo Thông báo và Phiếu thu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình ngày 02/8/2017, Ngân hàng P đã chi phí giám định. Căn cứ Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bà Lê Thị N phải hoàn trả lại số tiền 4.790.000đồng cho Ngân hàng P.

[4].Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ngân hàng P không phải nộp, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Lê Thị N phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, cụ thể số tiền án phí bà N phải nộp là: 72.000.000 đồng + 2% x 958.534.333đồng = 91.170.686đồng (*Chín mươi một triệu một trăm bảy mươi nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng*).

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 292, 342, 343, 344, 351, 355, 361, 362, 363, 366, 369, 471, 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật dân sự 2005. Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P.

Buộc bà Lê Thị N, chủ Doanh nghiệp tư nhân KH phải trả cho Ngân hàng P số tiền gốc là 2.410.000.000đồng và tiền lãi là 548.534.333đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 2.958.534.333 đồng (*Hai tỷ chín trăm năm mươi tám triệu năm trăm ba mươi tư nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*). Kể từ ngày 27/12/2017, bà Lê Thị N còn phải trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong. Việc tính lãi thực hiện theo Văn bản 6626/NHNo-TD ngày 15/8/2017 và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Ngân hàng P về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với các khoản nợ đã xử lý rủi ro, nợ đã bán cho VAMC.

Sau khi bà Lê Thị N thi hành xong số tiền phải trả thì Ngân hàng P có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị N và ông Ninh Quang H1 toàn bộ giấy tờ gốc liên quan đến tài sản thế chấp.

Trường hợp bà Lê Thị N không thi hành trả nợ thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý đối với các tài sản đã bảo lãnh thế chấp của bà Lê Thị N và ông Ninh Quang H1 cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích 1009,6m² và các tài sản công trình trên đất thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 17 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 679588 ngày 09/9/2010 mang tên Lê Thị N và Ninh Quang H1 và quyền sử dụng đất diện tích 64m² thuộc thửa 1B, tờ bản đồ số 18 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 679075 ngày 09/9/2010 mang tên Lê Thị N và Ninh Quang H1. Cả hai thửa đất trên đều ở phố Phúc Chính 2, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

2. Về chi phí giám định: Buộc bà Lê Thị N phải hoàn trả lại số tiền 4.790.000đồng (*Bốn triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) đã chi phí giám định cho Ngân hàng P.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng P không phải nộp, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp, số tiền là 50.547.000đồng (*năm mươi triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000500 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án thành phố Ninh Bình.

- Bà Lê Thị N phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 91.170.686 đồng (*Chín mươi một triệu một trăm bảy mươi nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, đại diện Ngân hàng P có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị N, ông Ninh Quang H1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh NB;
- VKSTPNB;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục THADS TPNB;
- L- u TATP;
- L- uHSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy

